



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Chi tiết máy (207100) - 02

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14153004	Nguyễn Thanh Huy Bảo	DH14CD				9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
2	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD				8,0	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
3	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC				9,0	9,3	9,2	0012345678910	0123456789
4	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK				9,0	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
5	13115115	Văn Thị Hoàng Thư	DH13CB				6,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
6	13115422	Lê Văn Công Toại	DH13CB				7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

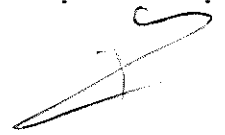
Cán bộ coi thi 1

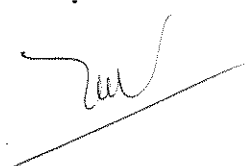
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trương Quang Trọng


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 00423

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: AutoCAD (207117) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Lành (804)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm 60%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			8	8	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
2	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			7	7	8.0	7.6	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			8	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn HỌc	DH19CKC			9	8	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			8	9	8.0	8.2	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			10	9	10.0	9.8	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			9	8	10.0	9.4	0012345678910	0123456789
8	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			7	7	5.0	5.8	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			8	8	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			9	7	9.0	8.6	0012345678910	0123456789
11	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			7	8	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			9	8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			8	7	9.0	8.4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Lành

Nguyễn Nam Cường

Nguyễn Thanh Nghi

Nguyễn Văn Lành

Ngày in : 17/05/2021 09:54



Mã nhận dạng 00426

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công cắt - gọt (207126) - 01

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			2	6,0		8,0	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			2	7,0		9,0	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			2	7,0		9,0	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			2	6,0		8,0	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			2	6,0		8,0	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			1,5	6,5		8,0	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			2	6,5		8,5	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			1,5	6,5		8,0	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			2	7,0		9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 17/05/2021 09:54

Trưởng Quang Trường

Nguyễn Hữu Hòa

N. V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 01

CBGD: Nguyễn Hữu Hòa (C02)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			5,9	1,7		7,6	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			5,8	2		7,8	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			5,6	1,6		7,2	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			5,9	1,4		7,3	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			5,3	1,3		6,6	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			5,3	2,2		7,5	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			4,8	1,7		6,5	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			5	1,7		6,7	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			5	2,3		7,3	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			5,9	2		7,9	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			4,7	1,8		6,5	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh Trâm	DH18CKC			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH200T			4,7	2,2		6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	20154092	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH200T			4,5	1,9		6,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	20154093	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH200T			5	2,2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH200T			4,2	1,8		6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH200T			3,6	2,2		5,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	20154096	LÂM HẢI ĐĂNG	DH200T			✓	✓		✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	20154121	TRƯƠNG VĂN HÀO	DH200T			✓	✓		✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	20154022	HỒ HOÀNG HẢO	DH200T			5,6	2,4		8,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	20154127	ĐẶNG TRUNG HIẾU	DH200T			5	2,2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	20154134	NGUYỄN VÕ HUY HOÀNG	DH200T			5	2,2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	20154140	BÙI THANH HUY	DH200T			4,1	2		6,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH200T			4,8	2		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT HUY	DH200T			4,8	2		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	20154149	HOÀNG LÊ MINH KHÁNH	DH200T			5	2,2		7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	20154171	NGUYỄN TRỌNG NGHỊ	DH200T			5,3	1,8		7,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH200T			4,8	2		6,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00428

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 02

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154196	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH200T			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
18	20154198	ĐỖ HOÀNG QUÂN	DH200T			4,1	2		6,1	0012345678910	0123456789
19	20154205	TRẦN HỮU QUỐC	DH200T			3,0	1,8		5,7	0012345678910	0123456789
20	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU SANG	DH200T			4,4	2		6,4	0012345678910	0123456789
21	20154214	TRẦN TÂN TÀI	DH200T			✓	✓		✓	0012345678910	0123456789
22	20154220	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	DH200T			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
23	20154225	NGUYỄN BẢO THUẬN	DH200T			4,5	1,9		6,4	0012345678910	0123456789
24	20154237	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH200T			4,4	2		6,4	0012345678910	0123456789
25	20154242	CAO TRỌNG VĂN	DH200T			6,1	2,8		8,9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

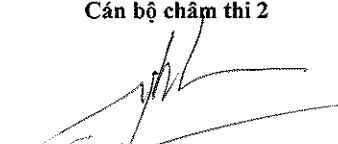
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trưởng Đoàn Thi


Trần Văn Đông


Nguyễn Hữu Hòa



Mã nhận dạng 00429

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154080	LÊ TUẤN ANH	DH20OT			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
2	20153003	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	DH20CD			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
3	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
4	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH20OT			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
5	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH20OT			4,8	2,2		7,0	0012345678910	0123456789
6	20154131	HUỖNH VŨ HOÀI	DH20OT			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
7	20154139	TRẦN HỮU HÙNG	DH20OT			4,7	1,7		6,4	0012345678910	0123456789
8	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT KHÁNH	DH20OT			4,8	2,5		7,3	0012345678910	0123456789
9	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	DH20OT			4,8	2,3		7,1	0012345678910	0123456789
10	20154175	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
11	20154179	TRƯƠNG QUỐC NGUYỄN	DH20OT			5,9	1,9		7,8	0012345678910	0123456789
12	20154181	PHẠM HOÀNG NHÂN	DH20OT			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
13	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH20OT			4,2	2,2		6,4	0012345678910	0123456789
14	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH20OT			4,2	1,6		5,8	0012345678910	0123456789
15	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH20OT			4,8	1,8		6,6	0012345678910	0123456789
16	20154189	CAO THẾ PHÚ	DH20OT			4,2	1,6		5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00429

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 03

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154203	HỒ VĂN NGỌC QUÍ	DH200T			5	1,7		6,7	0012345678910	0123456789
18	20154206	HUỖNH AN QUYÊN	DH200T			4,2	1,6		5,8	0012345678910	0123456789
19	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT SANG	DH200T			4,8	1,7		6,5	0012345678910	0123456789
20	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH160T			5	2,5		7,5	0012345678910	0123456789
21	20154062	HUỖNH MINH THÔNG	DH200T			4,5	1,9		6,4	0012345678910	0123456789
22	20154226	NGUYỄN ĐẶNG TIỀN	DH200T			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789
23	20154230	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
24	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH200T			4,7	2,4		7,1	0012345678910	0123456789
25	20154238	LÊ HOÀNG TUẤN	DH200T			5	2,4		7,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trần Văn Đông


Trần Văn Đông


N. V. Kiệp



Mã nhận dạng 00430

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH200T			5,3	2,4		7,7	0012345678910	0123456789
2	20154090	VÕ THIÊN CHÍ	DH200T			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
3	20154097	NGUYỄN TÂN DANH	DH200T			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
4	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC DUY	DH200T			4,1	2		6,1	0012345678910	0123456789
5	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH200T			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
6	20154123	HOÀNG HỒNG HẬU	DH200T			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
7	20153076	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH20CD			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
8	20154132	NGUYỄN THỌ HOÀNG	DH200T			V	V		V	0012345678910	0123456789
9	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH200T			4,1	1,9		6,0	0012345678910	0123456789
10	20154145	RƠ Ô KÁ	DH200T			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
11	20154146	NGUYỄN QUỐC KHÁI	DH200T			4,1	1,9		6,0	0012345678910	0123456789
12	20153091	NGUYỄN ĐÌNH KHIÊM	DH20CD			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
13	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
14	20154160	TRẦN NGỌC LINH	DH200T			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
15	20154165	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH200T			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
16	20154194	NGUYỄN DIỆU PHỤNG	DH200T			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 04

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154201	HUỖNH NGỌC QUANG	DH200T			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789
18	20154202	NGUYỄN THẾ QUANG	DH200T			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
19	20154208	ĐÀO MINH QUYẾT	DH200T			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
20	20154212	NGUYỄN THANH SANG	DH200T			4,6	2,3		6,9	0012345678910	0123456789
21	20154218	NGUYỄN QUANG THÀNH	DH200T			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
22	20154229	NGUYỄN QUỐC TRÃI	DH200T			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
23	20154236	BÙI VĂN TRƯỜNG	DH200T			5,9	2,5		8,4	0012345678910	0123456789
24	20154075	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH200T			4,4	2		8,2	0012345678910	0123456789

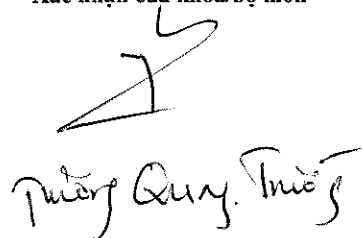
Số lượng vắng:

Hiện diện:

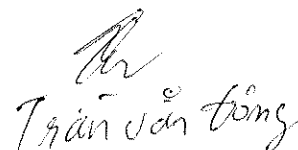
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

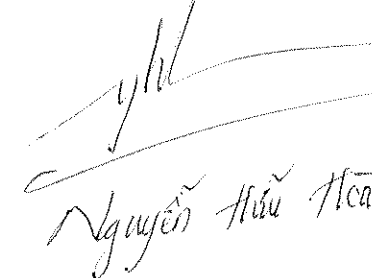
Xác nhận của khoa/bộ môn


Trương Quý Thuong

Cán bộ chấm thi 1


Trần Văn Đông

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154079	ĐIỀN TUẤN ANH	DH20OT			4,4	2		6,4	0012345678910	0123456789
2	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH20OT			3,9	2,3		6,2	0012345678910	0123456789
3	20154005	NGUYỄN TUẤN ANH	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
4	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
5	20154087	ABDUL BARI	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
6	20154112	HUỖNH KHÁNH DUY	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
7	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT			4,5	1,9		6,4	0012345678910	0123456789
8	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
9	20154144	TRẦN GIA HUY	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
10	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
11	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH20OT			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
12	20153096	LÊ THANH LỘC	DH20CD			4,5	1,9		6,4	0012345678910	0123456789
13	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
14	20154168	ĐẬU PHƯƠNG NAM	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
15	20154169	NGUYỄN THÀNH NAM	DH20OT			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
16	20154170	TRẦN THANH NAM	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 05

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20120077	ĐINH CÔNG ĐẠI PHÁT	DH20OT			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
18	20154193	THÁI TRẦN HỒNG PHÚC	DH20OT			5,3	1,9		7,2	0012345678910	0123456789
19	20154209	TRẦN CHÍ QUYẾT	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
20	20154221	NGUYỄN THANH THIÊN	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
21	20154224	CHAU CHANH THU	DH20OT			5,6	2		7,6	0012345678910	0123456789
22	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
23	20153131	TRẦN NGUYỄN NHẬT TRÀ	DH20CD			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
24	20154233	ĐỖ NGỌC TRIẾT	DH20OT			4,4	2		6,4	0012345678910	0123456789
25	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH20OT			5,6	2,4		8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Trần Văn Đông

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154088	LƯU VĂN BÌNH	DH200T			5,6	1,9		7,5	0012345678910	0123456789
2	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH200T			5,3	2,6		7,9	0012345678910	0123456789
3	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH200T			4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
4	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH200T			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
5	20154120	VÕ NGUYỄN THANH N. HẠ	DH200T			4,8	1,8		6,6	0012345678910	0123456789
6	20154122	VŨ ANH HÀO	DH200T			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
7	20154126	VŨ CÔNG HIỀN	DH200T			4,5	1,8		6,3	0012345678910	0123456789
8	20154136	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	DH200T			5,3	2,8		8,1	0012345678910	0123456789
9	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH200T			4,5	1,8		6,3	0012345678910	0123456789
10	20154138	NGUYỄN MINH HÙNG	DH200T			4,8	1,9		6,7	0012345678910	0123456789
11	20154155	MAI THANH LÂM	DH200T			5,6	1,6		7,2	0012345678910	0123456789
12	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH200T			5	1,6		6,6	0012345678910	0123456789
13	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH200T			4,2	1,8		6,0	0012345678910	0123456789
14	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH200T			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
15	20154174	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	DH200T			4,8	2,8		7,6	0012345678910	0123456789
16	20154178	NGUYỄN VĂN NHỰT NGUYỄN	DH200T			5	2		7,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 06

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH PHÁT	DH200T			4,8	2,4		7,2	0012345678910	0123456789
18	20154049	PHẠM NGỌC ĐIỂM QUỲNH	DH200T			5,3	2,5		7,8	0012345678910	0123456789
19	20154213	NGUYỄN TIỀN SĨ	DH200T			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
20	20154055	HUỖNH THANH TÂM	DH200T			5,6	1,8		7,4	0012345678910	0123456789
21	20154216	HUỖNH DUY TÂN	DH200T			5,5	2,8		8,3	0012345678910	0123456789
22	20154219	NGUYỄN TIỀN THẠNH	DH200T			4,7	1,8		6,5	0012345678910	0123456789
23	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			4,5	1,8		6,3	0012345678910	0123456789
24	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH200T			4,8	2,4		7,2	0012345678910	0123456789
25	20154241	TRƯƠNG QUANG TUẤN	DH200T			4,8	2,8		7,6	0012345678910	0123456789

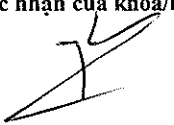
Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Trưởng Ban Thi

Cán bộ chấm thi 1


Trần Văn Đông

Cán bộ chấm thi 2


N.V. Kiệp



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154085	HUỖNH GIA BẢO	DH20OT			5	2,2		7,2	0012345678910	0123456789
2	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH20OT			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
3	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
4	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH20OT			5,3	2		7,3	0012345678910	0123456789
5	20153065	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH20CD			5,6	1,4		7,0	0012345678910	0123456789
6	20153067	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH20CD			5	1,6		6,6	0012345678910	0123456789
7	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			6,2	1,7		7,9	0012345678910	0123456789
8	20154117	LÊ TUẤN TRƯỜNG	GIANG	DH20OT		4,8	2		6,8	0012345678910	0123456789
9	20154133	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH20OT			5,3	1,8		7,1	0012345678910	0123456789
10	20153083	TRỊNH PHI HỒNG	DH20CD			5	1,3		6,3	0012345678910	0123456789
11	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH20OT			5	2		7,0	0012345678910	0123456789
12	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH20OT			4,2	1,8		6,0	0012345678910	0123456789
13	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH20OT			4,5	1,9		6,4	0012345678910	0123456789
14	20153094	NGUYỄN ANH KIẾT	DH20CD			3,9	2		5,9	0012345678910	0123456789
15	20154158	HOÀNG KIM LÂN	DH20OT			5	1,1		6,1	0012345678910	0123456789
16	20154164	NGUYỄN CÔNG LÝ	DH20OT			5,3	1,4		6,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công hàn - nguội (207127) - 07

CBGD: Trần Văn Đông (826)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153106	LÊ THÀNH NHẬT	DH20CD			5	1,8		6,8	0012345678910	0123456789
18	20154191	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH20OT			4,2	1,8		6,0	0012345678910	0123456789
19	20153114	NGUYỄN TRẦN QUAN PHƯỚC	DH20CD			4,2	1,3		5,5	0012345678910	0123456789
20	20154197	ĐỖ ANH QUÂN	DH20OT			5	1,3		6,3	0012345678910	0123456789
21	20154200	NGUYỄN MANH QUÂN	DH20OT			4,5	1,9		6,4	0012345678910	0123456789
22	20154207	NGUYỄN THẾ QUYỀN	DH20OT			4,8	1,2		6,0	0012345678910	0123456789
23	20154222	PHAN HỮU THIÊN	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
24	20154235	NGUYỄN HÒ QUỐC TRUNG	DH20OT			5,3	2,3		7,6	0012345678910	0123456789
25	20154239	PHẠM MINH TUẤN	DH20OT			5	2		7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
2	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
3	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
4	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD			2	5,2		7,2	0012345678910	0123456789
5	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			0	0		0	0012345678910	0123456789
6	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
7	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			2	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
8	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
9	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
10	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
11	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
12	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
13	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
14	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			0	0		0	0012345678910	0123456789
15	19138075	Trần Công Thịnh	DH19TD			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
16	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			1	6,8		7,8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 02

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
18	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD			0	0		0	0012345678910	0123456789
19	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
20	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
21	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			1	5,2		6,2	0012345678910	0123456789
22	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789
23	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
24	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			2	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
25	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD			2	4,8		6,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

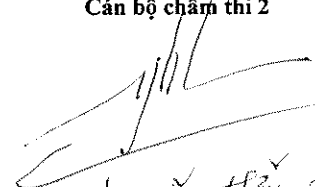
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trương Quý Trọng


N. V. Kiệp


Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD			1,5	6,0		7,5	0012345678910	0123456789
2	19138005	Lê Thái Hoàng An Cát	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
3	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
4	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
5	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
6	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			2,0	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
7	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
8	19138020	Đình Văn Hiền	DH19TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
9	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD			1,5	6,0		7,5	0012345678910	0123456789
10	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD			2,0	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
11	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			2,0	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
12	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			2,0	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
13	19138052	Đặng Nghĩa Nhân	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
14	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
15	19138060	Nguyễn Bảo Phi	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
16	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00437

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 2: Cắt - gọt (207144) - 03

CBGD: Nguyễn Văn Kiệp (335)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
18	19138065	Lê Đăng Quang	DH19TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
19	19138071	Nguyễn Bá Thái	DH19TD			1,5	6,0		7,5	0012345678910	0123456789
20	19138073	Đỗ Quang Thành	DH19TD			1,5	5,6		7,1	0012345678910	0123456789
21	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			1,5	6,0		7,5	0012345678910	0123456789
22	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789
23	19138083	Nguyễn Thế Trăn	DH19TD			2,0	5,6		7,6	0012345678910	0123456789
24	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD			1,5	6,0		7,5	0012345678910	0123456789
25	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD			2,0	6,8		8,8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp

N. V. Kiệp

Nguyễn Hữu Hòa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 02

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			5	5		10,0	00123456789	0123456789
2	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			5	5		10,0	00123456789	0123456789
3	18118023	Nguyễn Tấn Điện	DH18CK			4,5	5		9,5	00123456789	0123456789
4	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			3,5	5		8,5	00123456789	0123456789
5	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			4	5		9,0	00123456789	0123456789
6	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			4	5		9,0	00123456789	0123456789
7	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			4	5		9,0	00123456789	0123456789
8	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			5	5		10,0	00123456789	0123456789
9	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			4	5		9,0	00123456789	0123456789
10	17118059	Nguyễn Hoàng Yến Mí	DH17CK			3	5		8,0	00123456789	0123456789
11	19138055	Trần Đình Nhơn	DH19TD			5	5		10,0	00123456789	0123456789
12	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			5	5		10,0	00123456789	0123456789
13	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			3	5		8,0	00123456789	0123456789
14	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			3,5	5		8,5	00123456789	0123456789
15	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			4	5		9,0	00123456789	0123456789
16	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			5	4		9,0	00123456789	0123456789



Mã nhận dạng 00438



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 02

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 SV %	Đ2 SV %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			5	5		10,0	00123456789	0123456789
18	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
19	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			3	0		3,0	0012345678910	0123456789
20	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
22	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
23	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
24	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			5	5		10	0012345678910	0123456789
25	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			5	5		10	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Quang Trí

Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 04

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT			3	4		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18118010	Nguyễn Hoàng Chinh	DH18CK			4	4		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			3	4		7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			5	5		10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			5	5		10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			5	5		10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			3	5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			3,5	5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			3,5	5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT			3	5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			3,5	5		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 00439

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 04

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
18	18118115	Quách Ngọc Quí	DH18CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
19	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			3	4		7,0	0012345678910	0123456789
20	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			3	4		7,0	0012345678910	0123456789
23	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
24	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			5	4		9,0	0012345678910	0123456789
25	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			3	5		8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Quang Trường

Phan Minh Hiếu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> 50 %	<u>Đ2</u> 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			3	3		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			4	3		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			3	3		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			4,5	3		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			3	3		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			3	3		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT			4,5	5		9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			3,5	5		8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			3	3		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			4,5	3		7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			3	3		6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00440



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 05

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			3	3		6,0	0012345678910	0123456789
18	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			3	5		8,0	0012345678910	0123456789
19	18138062	Trần Phát	DH18TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
21	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	17154096	Nguyễn Tấn Thọ	DH17OT			3	3		6,0	0012345678910	0123456789
23	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			5	4		9,0	0012345678910	0123456789
24	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			4	3		7,0	0012345678910	0123456789
25	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			4	4		8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

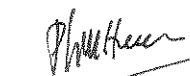
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Phan Minh Hiếu


Phan Minh Hiếu



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19138016	Nguyễn Thị ThuỖ	Duyên	DH19TD		3	5		8,0	0012345678910	0123456789
2	17153014	Bùi Phú	Đức	DH17CD		3	5		8,0	0012345678910	0123456789
3	19138013	Võ Anh	Đức	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
4	19138017	Trần Chí	Hải	DH19TD		3,5	5		8,5	0012345678910	0123456789
5	19138019	Phạm Thị	Hiền	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
6	19138023	Nguyễn Minh	Hoàng	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
7	19138025	Hoàng Phi	Hùng	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
8	19138044	Đặng Thành	Long	DH19TD		3	5		8,0	0012345678910	0123456789
9	19138043	Lê Tiến	Lợi	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
10	19138045	Bùi Văn Hữu	Luân	DH19TD		4	5		9,0	0012345678910	0123456789
11	18118081	Tạ Văn	Mạnh	DH18CK		3	3		6,0	0012345678910	0123456789
12	19138046	Võ Văn	Minh	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
13	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	Nghĩa	DH19TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
14	19138051	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH19TD		3	5		8,0	0012345678910	0123456789
15	18138057	Trịnh Hữu	Nghĩa	DH18TD		4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789
16	19138058	Phạm Nguyễn Anh	Pha	DH19TD		4	5		9,0	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 06

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						50 %	50 %				
17	19138059	Nguyễn Thành Phấn	DH19TD			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19138062	Nguyễn Quốc Phú	DH19TD			4	5		9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19138066	Mai Văn QuYến	DH19TD			5	5		10,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ●	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			3	5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19138076	Hồ Thị Hà Thu	DH19TD			4	4		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			3	3		6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD			3	5		8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			4,5	4		8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD							● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

7
Tutis Quay Tutis

~~Phạm Khắc~~
Phạm Khắc Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 08

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> 50 %	<u>Đ2</u> 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18138016	Nguyễn Long Ngọc	DH18TD			4	3		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			4	3		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			4	3		7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD			4	5		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			5	4		9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			3	5		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			5	5		10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			4	4		8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Thực tập gia công 3: Cắt gọt CNC (207145) - 08

CBGD: Phan Minh Hiếu (837)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 50 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			3	4		7,0	0012345678910	0123456789
18	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
19	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
20	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
21	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			4	5		9,0	0012345678910	0123456789
22	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			5	5		10,0	0012345678910	0123456789
23	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT			3	3		6,0	0012345678910	0123456789
24	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			4,5	4		8,5	0012345678910	0123456789
25	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD			4,5	5		9,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trưởng Bộ Môn

Phan Minh Hiếu



Mã nhận dạng 00263

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC						8,0	0012345678910	0123456789
2	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC						8,0	0012345678910	0123456789
3	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC						8,3	0012345678910	0123456789
4	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC						9,0	0012345678910	0123456789
5	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC							0012345678910	0123456789
6	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC						8,0	0012345678910	0123456789
7	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC						8,4	0012345678910	0123456789
8	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC						8,5	0012345678910	0123456789
9	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC						8,0	0012345678910	0123456789
10	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC						8,0	0012345678910	0123456789
11	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC						8,8	0012345678910	0123456789
12	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC						8,2	0012345678910	0123456789
13	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC						8,4	0012345678910	0123456789
14	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC						8,4	0012345678910	0123456789
15	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC						8,6	0012345678910	0123456789
16	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC						8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC						7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC						9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng:

Hiên diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

~~Wills~~
Myra Harding

Nicolaus
Le Anh Đức

Madhus
15 Aug 2012



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Máy làm đất (207303) - 01

CBGD: Phạm Duy Lam (387)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			8	6,5	7	7,0	0012345678910	0123456789
2	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			8	7,4	7	7,2	0012345678910	0123456789
3	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			8	7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
4	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK					—		0012345678910	0123456789
5	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK			8	7,4	7	7,2	0012345678910	0123456789
6	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			8	7,0	8	7,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam

TS. Nguyễn Thanh Nghị

Phạm Duy Lam



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207317) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK						8,5	0012345678910	0123456789
2	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK						8,3	0012345678910	0123456789
3	17118018	Lê Công Danh	DH17CK						7,7	0012345678910	0123456789
4	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK						8,7	0012345678910	0123456789
5	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK						8,8	0012345678910	0123456789
6	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK						8,3	0012345678910	0123456789
7	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK						9,0	0012345678910	0123456789
8	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK						9,3	0012345678910	0123456789
9	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK						8,4	0012345678910	0123456789
10	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK						8,9	0012345678910	0123456789
11	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK						8,5	0012345678910	0123456789
12	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK						8,1	0012345678910	0123456789
13	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK						8,6	0012345678910	0123456789
14	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK						8,6	0012345678910	0123456789
15	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK						8,6	0012345678910	0123456789
16	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK						8,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207317) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK						7,8	0012345678910	0123456789
18	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK						8,0	0012345678910	0123456789
19	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK						9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Thanh Nghị

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Nguyễn Thanh Nghị

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK						8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
2	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK						7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
5	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK						/	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK						7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
9	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK						/	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK						7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
11	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK						/	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK						7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
13	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	17118046	Trần Khải	DH17CK						8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK						7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207323) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	17118058	Trần Ngọc Minh	DH17CK						7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
20	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK						9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	17118061	Đào Phương	DH17CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	17118062	Phạm Văn	DH17CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	17118064	Phan Trọng	DH17CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	17118076	Phan Lê Bảo	DH17CK						8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17118078	Nguyễn Lê	DH17CK						7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17118080	Diệp Thanh	DH17CK						✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	17118085	Nguyễn Đình	DH17CK						6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	17118090	Trương Công	DH17CK						7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	17118091	Hoàng Kim	DH17CK						7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	17118092	Lê Văn	DH17CK						7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
32	17118094	Bùi Phụ	DH17CK						7,8	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207323) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK						8,1	0012345678910	0123456789
34	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK						✓	0012345678910	0123456789
35	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK						7,9	0012345678910	0123456789
36	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK						7,0	0012345678910	0123456789
37	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK						7,7	0012345678910	0123456789
38	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
39	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK						7,4	0012345678910	0123456789
40	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK						7,6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Nghi

Phạm Duy Lam

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Thanh Nghi

Phạm Duy Lam



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207331) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC						8,6	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC						8,2	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC						8,6	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC						8,2	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC						8,6	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC						8,2	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái Vĩ	DH17CKC						8,5	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Thanh Nghị

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Nguyễn Thanh Nghị



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207423) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137002	Trương Quốc An	DH17NL						8,5	001234567●910	01234●6789
2	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
3	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL						8,5	001234567●910	01234●6789
4	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL						8,3	001234567●910	012●456789
5	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL						8,5	001234567●910	01234●6789
6	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
7	17137050	Võ Tấn Ngoan	DH17NL						8,2	001234567●910	01●3456789
8	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL						8,8	001234567●910	01234567●9
9	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL						8,7	001234567●910	0123456●89
10	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL						8,6	001234567●910	012345●789
11	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL						8,3	001234567●910	012●456789
12	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
13	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
14	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
15	17137071	Trần Thùy Trang	DH17NL						8,6	001234567●910	012345●789
16	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Văn	DH17NL						8,8	001234567●910	0123456●89

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 17/05/2021 09:54

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Nguyễn Khắc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	17137006	Lưu Nhật Chí	DH17NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL						7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
5	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
6	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL						8,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL						8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL						8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	17137026	PhanPhước Hoàng	DH17NL						8,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
13	17137022	Huỳnh Nhật Hồ	DH17NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL						8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL						8,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL						8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
18	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL						8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
19	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL						8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
20	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL						8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
21	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL						8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL						7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
23	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
24	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL						8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL						7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
26	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL						8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
27	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL						8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
28	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL						7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
29	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL						9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
30	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL						8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
31	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL						7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
32	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL						8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9



Mã nhận dạng 00033

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207429) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL						8,2	001234567●910	01●3456789
34	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
35	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL						8,6	001234567●910	012345●789
36	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL						8,1	001234567●910	0●23456789
37	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL						8,5	001234567●910	012●456789
38	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789
39	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL						7,7	00123456●8910	0123456●89
40	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL						8,4	001234567●910	0123●56789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đan Khuân

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Nguyễn Đan Khuân



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207528) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
2	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
3	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD					8,1	8,1	0012345678910	0123456789
6	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
7	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
8	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
9	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD					7,6	7,6	0012345678910	0123456789
10	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD					8,2	8,2	0012345678910	0123456789
11	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
12	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
14	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD					8,7	8,7	0012345678910	0123456789
15	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD					8,7	8,7	0012345678910	0123456789
16	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD					8,7	8,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207528) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD					8,3	8,3	0012345678910	0123456789
18	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD					8,9	8,9	0012345678910	0123456789
19	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD					8,9	8,9	0012345678910	0123456789
20	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD							0012345678910	0123456789
21	17138054	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	DH17TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
22	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
23	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD					8,7	8,7	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn


Trương Công Tiến

Cán bộ chấm thi 1


Trương Công Tiến

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Tuấn



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207534) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
4	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
5	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
6	17138016	Hồ Hiên	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
7	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
8	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
9	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
10	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
12	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
13	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
14	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
15	17138039	Lê Quang Phiếu	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
16	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207534) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
19	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
20	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD					7,3	7,3	0012345678910	0123456789
21	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
22	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
23	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
24	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
25	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD					7,3	7,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trương Công Tiến

Trương Công Tiến

Dương Hùng



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207622) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	DH17CD						8.63	0012345678910	0123456789
2	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
3	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD						8.1	0012345678910	0123456789
4	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD						8.63	0012345678910	0123456789
5	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD						8.88	0012345678910	0123456789
6	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD						8.88	0012345678910	0123456789
7	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD						8.75	0012345678910	0123456789
8	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD						8.81	0012345678910	0123456789
9	17153026	Nguyễn Trường Hân	DH17CD						8.55	0012345678910	0123456789
10	17153030	Bùi Văn Hoàng	DH17CD						8.58	0012345678910	0123456789
11	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD						8.75	0012345678910	0123456789
12	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD						8.9	0012345678910	0123456789
13	17153037	Ngô Tín Khoa	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789
14	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD						8.9	0012345678910	0123456789
15	17153039	Bùi Tuấn Kiên	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789
16	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD						8.68	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207622) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153041	Lương Chí Lập	DH17CD						8.4	0012345678910	0123456789
18	17153048	Lê Khánh Nguyên	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
19	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
20	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD						9.3	0012345678910	0123456789
21	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD						9.4	0012345678910	0123456789
22	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD						8.58	0012345678910	0123456789
23	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD						9.0	0012345678910	0123456789
24	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD						8.4	0012345678910	0123456789
25	17153070	Nguyễn Trọng Tiến	DH17CD						8.0	0012345678910	0123456789
26	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD						8.1	0012345678910	0123456789
27	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD						8.4	0012345678910	0123456789
28	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD						8.55	0012345678910	0123456789
29	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD						8.68	0012345678910	0123456789
30	17153080	Hoàng Thanh Vương	DH17CD						8.0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Hồng Hoa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207627) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD						6.5	0012345678910	0123456789
2	17153005	Lê Hoàng Bảo	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789
3	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
4	17153010	Vương Quốc Việt Chí	DH17CD						6.8	0012345678910	0123456789
5	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD						7.5	0012345678910	0123456789
6	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
7	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789
8	17153013	Hà Công Định	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
9	17153014	Bùi Phú Đức	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789
10	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD						7	0012345678910	0123456789
11	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
12	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
13	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD						6.8	0012345678910	0123456789
14	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
15	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD						V	0012345678910	0123456789
16	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207627) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153034	Lê Văn Khanh	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
18	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
19	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD						7.5	0012345678910	0123456789
20	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD						7	0012345678910	0123456789
21	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789
22	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD						7.5	0012345678910	0123456789
23	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD						6.3	0012345678910	0123456789
24	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD						6.5	0012345678910	0123456789
25	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
26	17153053	Đoàn Trần Minh Nhựt	DH17CD						8.8	0012345678910	0123456789
27	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
28	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD						8	0012345678910	0123456789
29	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
30	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
31	17153066	Đào Minh Thành	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
32	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD						8.3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207627) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD						8.5	0012345678910	0123456789
34	17153074	Phan Nguyễn Trung	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
35	17153072	Nguyễn Hoàng	DH17CD						6.5	0012345678910	0123456789
36	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD						7.8	0012345678910	0123456789
37	17153081	Dương Bảo Ý	DH17CD						8	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Trần Thị Kim Nga


Nguyễn Đăng Khoa

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Hệ thống điện thân xe(207734)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI_01**

Tổ Thi

001_TINCHI_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi **28/06/2021**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT					7	7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207735) - 10

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154002	Lê Bảo	Anh	DH17OT						9,3	0012345678910	0123456789
2	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan	Anh	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
3	17154005	Nguyễn Hoài	Bảo	DH17OT						9,3	0012345678910	0123456789
4	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	DH17OT						9,5	0012345678910	0123456789
5	17154007	Nguyễn Tấn	Chí	DH17OT						8,8	0012345678910	0123456789
6	17154009	Nguyễn Thành	Công	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
7	17154022	Đình Nguyễn Đình	Duy	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
8	17154018	Trần Thế	Dur	DH17OT						7,7	0012345678910	0123456789
9	17154012	Nguyễn Quân	Đạt	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
10	17154014	Trần Văn	Đạt	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
11	17154016	Nguyễn Khoa	Điễn	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
12	17154017	Nguyễn Thành	Đô	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
13	17154019	Nguyễn Hữu	Đức	DH17OT						8,2	0012345678910	0123456789
14	16154021	Phạm Hồng	Đức	DH16OT						8,7	0012345678910	0123456789
15	17154021	Trần Minh	Đức	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
16	17154024	Phạm Văn	Giàu	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207735) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	15154019	Võ Duy Hà	DH15OT						6,3	00012345678910	0123456789
18	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT						8,3	00012345678910	0123456789
19	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT						7,2	00012345678910	0123456789
20	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT						8,7	00012345678910	0123456789
21	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT						9,7	00012345678910	0123456789
22	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT						9,2	00012345678910	0123456789
23	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT						7,3	00012345678910	0123456789
24	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT						9,2	00012345678910	0123456789
25	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT						8,0	00012345678910	0123456789
26	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT						6,0	00012345678910	0123456789
27	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT						9,7	00012345678910	0123456789
28	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT						7,5	00012345678910	0123456789
29	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT						7,0	00012345678910	0123456789
30	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT						8,7	00012345678910	0123456789
31	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT						8,5	00012345678910	0123456789
32	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT						9,0	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00036

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207735) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
34	17154060	Nguyễn Thị Thanh	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
35	17154061	Phan Thị Hoài	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
36	17154062	Hồ Tấn Nhân	DH17OT						7,2	0012345678910	0123456789
37	17154063	Lê Hoài Nhân	DH17OT						9,3	0012345678910	0123456789
38	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789
39	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT						5,8	0012345678910	0123456789
40	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT						7,0	0012345678910	0123456789
41	17154069	Lê Văn Tấn Phát	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
42	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789
43	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT						9,8	0012345678910	0123456789
44	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
45	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT						7,8	0012345678910	0123456789
46	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
47	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789
48	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tiểu luận tốt nghiệp (207735) - 10

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT						6,7	0012345678910	0123456789
50	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789
51	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789
52	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT						9,2	0012345678910	0123456789
53	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
54	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT						6,0	0012345678910	0123456789
55	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT						9,3	0012345678910	0123456789
56	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT						8,3	0012345678910	0123456789
57	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT						7,3	0012345678910	0123456789
58	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT						8,7	0012345678910	0123456789
59	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT						8,5	0012345678910	0123456789
60	17154104	Nguyễn Võ Minh Tiến	DH17OT						8,0	0012345678910	0123456789
61	17154105	Nguyễn Trung Tín	DH17OT						7,3	0012345678910	0123456789
62	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT						7,5	0012345678910	0123456789
63	17154110	Lê Thị Thảo Trinh	DH17OT						9,7	0012345678910	0123456789
64	17154113	Võ Thương Trường	DH17OT						7,3	0012345678910	0123456789

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

CBGD: 0

Số lượng vắng: 00

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn



Nguyễn Trinh Nguyễn


Nguyễn Trinh Nguyễn


Lê Văn Hiền



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				10	2	4	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				9	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				8	5	5.9	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				10	7.8	8.5	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT				10	9	9.3	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT				10	8.3	8.8	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
16	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT				8	0	2.4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
18	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
19	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
20	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				8	7.8	7.9	0012345678910	0123456789
21	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
22	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
23	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT				10	8.3	8.8	0012345678910	0123456789
24	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
25	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				8	6	6.6	0012345678910	0123456789
26	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				9	7	7.6	0012345678910	0123456789
27	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
28	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
29	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
30	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
31	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
32	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT				7	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
34	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT				9	8	8.3	0012345678910	0123456789
35	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
36	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
37	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				0	8	5.6	0012345678910	0123456789
38	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
39	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
40	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hường	DH18OT				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
41	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
42	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
43	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
44	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				10	4	5.8	0012345678910	0123456789
45	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
46	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
47	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				8	8.8	8.6	0012345678910	0123456789
48	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				10	8	8.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154061	Chu Phú Lân	DH18OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
50	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
51	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
52	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				8	9.5	9.1	0012345678910	0123456789
53	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
54	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
55	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
56	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT				10	9	9.3	0012345678910	0123456789
57	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
58	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				8	8.7	8.5	0012345678910	0123456789
59	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
60	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
61	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
62	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
63	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT				8	8.8	8.6	0012345678910	0123456789
64	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT				10	9.8	9.9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT				10	9.8	9.9	0012345678910	0123456789
66	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
67	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
68	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
69	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				10	9	9.3	0012345678910	0123456789
70	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
71	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
72	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				8	6.5	7	0012345678910	0123456789
73	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
74	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				0	3	2.1	0012345678910	0123456789
75	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
76	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				8	9	8.7	0012345678910	0123456789
77	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
78	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT				10	8	8.6	0012345678910	0123456789
79	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
80	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tảo	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				8	9	8.7	0012345678910	012345689
82	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT				10	8	8.6	0012345678910	012345789
83	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
84	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				10	8	8.6	0012345678910	012345789
85	18154112	Trần Lê Phương	DH18OT				8	9	8.7	0012345678910	012345689
86	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				8	6	6.6	0012345678910	012345789
87	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
88	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				8	8.8	8.6	0012345678910	012345789
89	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
90	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
91	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
92	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
93	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
94	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT				10	6	7.2	0012345678910	0123456789
95	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT				8	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
96	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Tính toán động cơ đốt trong (207739) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
97	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT				10	7.5	8.3	0012345678910	0123456789
98	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
99	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				8	0	2.4	0012345678910	0123456789
100	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				8	4	5.2	0012345678910	0123456789
101	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
102	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT				10	5	6.5	0012345678910	0123456789
103	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
104	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				10	8	8.6	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 1

Nguyễn Trịnh Nguyên

Cán bộ chấm thi 2



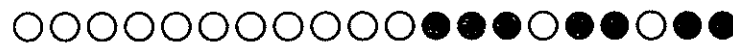
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				80	60	68	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT				10	70	8.2	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				10	50	7.0	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				80	70	7.4	0012345678910	0123456789
6	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				10	70	8.2	0012345678910	0123456789
7	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				10	75	8.5	0012345678910	0123456789
8	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				80	65	7.1	0012345678910	0123456789
9	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				10	70	8.2	0012345678910	0123456789
10	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT				10	70	8.2	0012345678910	0123456789
11	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				10	88	9.3	0012345678910	0123456789
12	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT				70	60	68	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT				10	88	9.3	0012345678910	0123456789
14	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				80	60	68	0012345678910	0123456789
15	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT				10	60	7.6	0012345678910	0123456789
16	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT							0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyễn (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				80	85	85	0012345678910	0123456789
18	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				80	65	71	0012345678910	0123456789
19	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				10	80	88	0012345678910	0123456789
20	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				10	8	88	0012345678910	0123456789
21	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
22	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				10	85	91	0012345678910	0123456789
23	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				8	65	71	0012345678910	0123456789
24	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				10	6	76	0012345678910	0123456789
25	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				9	75	81	0012345678910	0123456789
26	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
27	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				0	85	81	0012345678910	0123456789
28	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				80	75	77	0012345678910	0123456789
29	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				8	70	74	0012345678910	0123456789
30	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				10	8	88	0012345678910	0123456789
31	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT				10	65	79	0012345678910	0123456789
32	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				9	86	84	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				80	65	71	0012345678910	0123456789
34	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				60	70	66	0012345678910	0123456789
35	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
36	18154042	Nguyễn Hữu Trọn Hường	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
37	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
38	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
39	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				10	75	85	0012345678910	0123456789
40	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
41	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
42	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
43	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
44	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				10	5.5	7.3	0012345678910	0123456789
45	18154061	Chu Phú Lân	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
46	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				0	5	3	0012345678910	0123456789
47	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
48	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
50	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
51	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
52	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT				10	5.5	7.3	0012345678910	0123456789
53	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				8	9.5	6.5	0012345678910	0123456789
54	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
55	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				10	5	7	0012345678910	0123456789
56	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
57	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				10	5.5	7.3	0012345678910	0123456789
58	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
59	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT				8	2.5	7.7	0012345678910	0123456789
60	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
61	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT				10	9	9.4	0012345678910	0123456789
62	18154089	Đoàn Minh Nhó	DH18OT				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
63	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
64	18154092	Chau Số Phát	DH18OT							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00475

Trang 5/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				8.0	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
66	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
67	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
68	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
69	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				8.0	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
70	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
71	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				8	3	5	0012345678910	0123456789
72	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
73	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
74	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
75	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
76	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
77	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
78	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
79	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
80	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00475

Trang 6/6

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Dao động & tiếng ồn trên ô tô (207747) - 01

CBGD: Nguyễn Trịnh Nguyên (100)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
81	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
82	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
83	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
84	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
85	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
86	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
87	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT				10	8.5	9.4	0012345678910	0123456789
88	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
89	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
90	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
91	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
92	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
93	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
94	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên



Mã nhận dạng 04749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT					7.5	5.8	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT					9.8	8.4	0012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT					6.7	6.6	0012345678910	0123456789
4	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT					10.6	7.6	0012345678910	0123456789
5	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT					5.65	5.9	0012345678910	0123456789
6	18154003	Trương Long Ân	DH18OT					10.8	8.8	0012345678910	0123456789
7	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT					7.8	7.6	0012345678910	0123456789
8	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT					7.75	7.3	0012345678910	0123456789
9	18154013	Phạm Minh Chí	DH18OT					10.75	8.5	0012345678910	0123456789
10	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT					10.85	9.1	0012345678910	0123456789
11	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT					8.7	7.4	0012345678910	0123456789
12	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT					10.78	8.7	0012345678910	0123456789
13	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT					7.8	7.6	0012345678910	0123456789
14	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT							0012345678910	0123456789
15	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT					10.8	8.8	0012345678910	0123456789
16	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT					10.7	8.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				8	25	7.7	0012345678910	0123456789
18	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				8	7	2.4	0012345678910	0123456789
19	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				8	65	7.1	0012345678910	023456789
20	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
21	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
22	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				6	25	6.9	0012345678910	0123456789
23	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				7	8	7.6	0012345678910	0123456789
24	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				10	8.8	9.3	0012345678910	0123456789
25	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
26	17154028	Phạm Tử Hùng	DH17OT				6	0	2.4	0012345678910	0123456789
27	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
28	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				8	65	7.1	0012345678910	023456789
29	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				6	7	6.6	0012345678910	0123456789
30	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT				6	8	7.2	0012345678910	0123456789
31	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				5	6	5.6	0012345678910	0123456789
32	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				10	8.5	9.1	0012345678910	0123456789
34	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
35	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
36	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
37	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				5	7	6.2	0012345678910	0123456789
38	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
39	18154054	Thạch Đăng Khoa	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
40	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				7	7	7	0012345678910	0123456789
41	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				5	7	6.2	0012345678910	0123456789
42	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				8	6.5	7.1	0012345678910	0123456789
43	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				10	5	7	0012345678910	0123456789
44	18154061	Chui Phú Lâm	DH18OT				10	8.8	9.3	0012345678910	0123456789
45	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				5	7	6.2	0012345678910	0123456789
46	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
47	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				10	8.3	9	0012345678910	0123456789
48	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
50	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
51	18154072	Phan Thành Nam	DH18OT				10	28	8.7	0012345678910	0123456789
52	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				6	6.5	6.3	0012345678910	0123456789
53	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
54	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				8	2.5	7.7	0012345678910	0123456789
55	18154077	Nguyễn Thanh Nghiêm	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789
56	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
57	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				8	2.0	7.4	0012345678910	0123456789
58	18154083	Phạm Minh Nhã	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
59	18154086	Võ Đình Nhân	DH18OT				5	8	6.8	0012345678910	0123456789
60	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
61	18154088	Nguyễn Đình Nhật	DH18OT				8	9	8.6	0012345678910	0123456789
62	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
63	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT				8	6	6.8	0012345678910	0123456789
64	18154093	Nguyễn Hữu Phát	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04749

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 001_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201A

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
66	18154096	Quách Thanh Phú	DH18OT				8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
67	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
68	18154099	Trần Hoàng Phúc	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
69	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT				10	8.5	9.4	0012345678910	0123456789
70	18154100	Mai Trần Phương	DH18OT				5	6.5	5.9	0012345678910	0123456789
71	18154101	Nguyễn Duy Phương	DH18OT				10	0	4	0012345678910	0123456789
72	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
73	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				10	9	8.4	0012345678910	0123456789
74	18154105	Đinh Hoàng Sơn	DH18OT				10	5	7	0012345678910	0123456789
75	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT				10	5	7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 27/05/2021

Nguyễn Trịnh Nguyên:1 Nguyễn Trịnh Nguyên:2



Mã nhận dạng 04750

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

002_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
2	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
3	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
4	18154111	Phạm Ngọc Thái	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
5	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				10	8	8.8	0012345678910	0123456789
6	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				7	8	7.6	0012345678910	0123456789
7	18154116	Đặng Kim Thảo	DH18OT				10	6.5	7.9	0012345678910	0123456789
8	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
9	18154114	Nguyễn Quốc Thắng	DH18OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
10	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				6	7	6.6	0012345678910	0123456789
11	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
12	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT				10	6	7.6	0012345678910	0123456789
13	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				10	7	8.2	0012345678910	0123456789
14	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT				10	7.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT				8	6.5	7.4	0012345678910	0123456789
16	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT				8	5	6.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04750

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chẩn đoán ôtô(207751)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

002_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 21/06/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154124	Nguyễn Hữu Tín	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
18	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT				8	0	3.2	0012345678910	0123456789
19	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT				5	6	5.6	0012345678910	0123456789
20	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789
21	18154135	Võ Văn Vũ	DH18OT				8	7	7.4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên



Mã nhận dạng 04751

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Năng lượng mới trên ô tô(207753)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_01**

Tổ Thi **001_DH18OT_01**

Tên CBGD **Nguyễn Trịnh Nguyên**

Ngày Thi **22/06/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường An	DH18OT				8.6	8	8.2	0012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến Anh	DH18OT				9.2	9	9.1	0012345678910	023456789
3	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT				5	7	6.4	0012345678910	0123456789
4	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT				5.6	7	6.6	0012345678910	0123456789
5	18154008	Trịnh Hoàng Anh	DH18OT				8.5	7	7.4	0012345678910	0123456789
6	18154003	Trương Long Ân	DH18OT				8.3	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
7	18154009	Phan Hải Âu	DH18OT				10	8.5	9	0012345678910	0123456789
8	18154011	Lý Thị Bé	DH18OT				8.6	9	8.9	0012345678910	0123456789
9	18154015	Nguyễn Chí Cường	DH18OT				8.9	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
10	18154018	Huỳnh Công Danh	DH18OT				8.6	9	8.9	0012345678910	0123456789
11	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT				8.9	8	8.3	0012345678910	0123456789
12	18154027	Đinh Quốc Dũng	DH18OT				8.6	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
13	18154028	Phạm Tiến Dũng	DH18OT				8.9	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
14	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT				5.0	0.0	1.5	0012345678910	0123456789
15	18154016	Dương Đình Đại	DH18OT				7.7	7.0	7.2	0012345678910	0123456789
16	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT				8.3	8.0	8.1	0012345678910	023456789

Mã nhận dạng 04751

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Năng lượng mới trên ô tô(207753)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 22/06/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				89	65	7.2	0012345678910	0123456789
18	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT				83	70	7.4	0012345678910	0123456789
19	18154022	Lưu Quốc Đạt	DH18OT				83	80	8.1	0012345678910	0123456789
20	18154024	Nguyễn Phi Đình	DH18OT				89	70	7.6	0012345678910	0123456789
21	18154025	Nguyễn Trung Đình	DH18OT				86	75	7.8	0012345678910	0123456789
22	18154032	Nguyễn Ngọc Giang	DH18OT				8	8	8	0012345678910	0123456789
23	18154033	Lương Văn Giàu	DH18OT				80	95	9.1	0012345678910	0123456789
24	18154036	Lê Võ Quang Hiếu	DH18OT				67	95	8.7	0012345678910	0123456789
25	17154028	Phạm Từ Hùng	DH17OT				83	0	2.5	0012345678910	0123456789
26	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				7.2	90	8.5	0012345678910	0123456789
27	18154039	Vũ Xuân Hòa	DH18OT				80	75	7.7	0012345678910	0123456789
28	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				7.8	85	8.3	0012345678910	0123456789
29	18154040	Nguyễn Việt Hoàng	DH18OT				83	70	7.4	0012345678910	0123456789
30	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				83	5	6	0012345678910	0123456789
31	18154047	Nguyễn Hữu Minh	DH18OT				80	95	9.1	0012345678910	0123456789
32	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				80	90	8.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04751

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Năng lượng mới trên ôtô(207753)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

001_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 22/06/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT				80	40	5.2	0012345678910	0123456789
34	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	DH18OT				83	40	8.8	0012345678910	0123456789
35	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT				63	40	8.2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Trịnh Nguyên

Nguyễn Trịnh Nguyên



Mã nhận dạng 04752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Năng lượng mới trên ô tô (207753)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

002_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 22/06/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154052	Trần Chí Khang	DH18OT				63	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
2	18154053	Trần Công Khánh	DH18OT				80	70	73	0012345678910	0123456789
3	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT				77	90	8.6	0012345678910	0123456789
4	18154057	Đặng Nguyễn Minh	DH18OT				80	70	73	0012345678910	0123456789
5	18154058	Đỗ Tuấn Kiệt	DH18OT				72	70	7.1	0012345678910	0123456789
6	18154059	Nguyễn Phan Hoài Lâm	DH18OT				80	75	7.7	0012345678910	0123456789
7	18154060	Nguyễn Văn Chí Lâm	DH18OT				77	80	7.9	0012345678910	0123456789
8	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				8.6	75	7.8	0012345678910	0123456789
9	18154063	Nguyễn Xuân Linh	DH18OT				8.3	6.0	6.7	0012345678910	0123456789
10	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				8.3	80	8.1	0012345678910	0123456789
11	18154068	Phạm Kim Long	DH18OT				8.3	80	8.1	0012345678910	0123456789
12	18154064	Nguyễn Văn Lợi	DH18OT				8.9	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
13	18154070	Nguyễn Hoàng Nam	DH18OT				6.7	6.6	6.6	0012345678910	0123456789
14	18154073	Tạ Hoàng Nam	DH18OT				8.3	80	8.1	0012345678910	0123456789
15	18154075	Huỳnh Trọng Nghĩa	DH18OT				8.3	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
16	18154076	Văn Hữu Nghĩa	DH18OT				8.6	9.5	9.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Năng lượng mới trên ô tô(207753)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi

002_DH18OT_01

Tên CBGD

Nguyễn Trinh Nguyên

Ngày Thi 22/06/2021

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT			6.9	9.0	8.4	0012345678910	0123456789
18	18154078	Đặng Văn	Ngoan	DH18OT			8.3	7.0	7.4	0012345678910	0123456789
19	18154081	Võ Nhật	Nguyên	DH18OT			8.0	5.0	5.9	0012345678910	0123456789
20	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT			8.3	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
21	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT			6.7	4.5	5.2	0012345678910	0123456789
22	17154066	Đinh Xuân	Nhật	DH17OT			5.0	9.0	7.8	0012345678910	0123456789
23	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT			8.8	9.5	9.3	0012345678910	0123456789
24	18154089	Đoàn Minh	Nhớ	DH18OT			6.9	4.5	5.2	0012345678910	0123456789
25	18154090	Trần Nguyễn Minh	Nhật	DH18OT			8.3	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
26	18154092	Chau Số	Phát	DH18OT			5.0	5.0	1.5	0012345678910	0123456789
27	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	DH18OT			7.3	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
28	18154095	Nguyễn Văn	Phong	DH18OT			8.3	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
29	18154096	Quách Thanh	Phú	DH18OT			8.6	9.5	9.2	0012345678910	0123456789
30	18154097	Hồ Hoàng	Phúc	DH18OT			8.6	7.0	2.5	0012345678910	0123456789
31	18154099	Trần Hoàng	Phúc	DH18OT			8.8	7.0	7.6	0012345678910	0123456789
32	18154101	Nguyễn Duy	Phương	DH18OT			6.5	5.0	5.5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 04752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Năng lượng mới trên ô tô(207753)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_01

Tổ Thi 002_DH18OT_01

Tên CBGD Nguyễn Trịnh Nguyên

Ngày Thi 22/06/2021

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154102	Lý Trung Quân	DH18OT				97	70	78	0012345678910	0123456789
34	18154104	Lê Duy Quốc	DH18OT				83	70	74	0012345678910	0123456789
35	15154041	Nguyễn Minh Nhật	DH15OT				80	70	73	0012345678910	0123456789
36	18154105	Đình Hoàng Sơn	DH18OT				89	80	83	0012345678910	0123456789
37	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT				83	90	88	0012345678910	0123456789
38	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật Tào	DH18OT				83	65	71	0012345678910	0123456789
39	18154108	Trương Thành Tấn	DH18OT				92	80	84	0012345678910	0123456789
40	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT				83	80	81	0012345678910	0123456789
41	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT				92	75	80	0012345678910	0123456789
42	18154123	Trương Văn Thục	DH18OT				80	70	73	0012345678910	0123456789
43	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT				77	70	72	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 27/05/2021